

Số: Kon05/2026

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2026

[illegible]

Vĩnh Sơn C	Mức nước (H, m)	972.43	972.44	972.44	972.45	972.45	972.45	972.45	972.45	972.45
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	1.24	0.83	1.24	0.83	1.65	1.21	0.98	0.87	0.83
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Vĩnh Sơn 4	Mức nước (H, m)									
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)									
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)									
Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)					153.70	154.20	154.65	154.95	154.95
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					6.23	5.26	4.08	2.92	1.77
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					1.23	1.26	0.08	0.92	1.77
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	653.10	653.10	653.10	653.12	653.05	653.00	653.00	653.00	652.95
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.40	0.17	0.08	0.04	0.02
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				1.10	1.10	1.10	1.10	1.10	1.10
Định Bình	Mức nước (H, m)				68.40	68.35	68.35	68.35	68.34	68.34
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				8.22	7.66	6.73	5.35	6.00	6.70
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				7.00	7.00	7.00	7.00	7.00	7.00
Núi Mọt	Mức nước (H, m)				36.95	36.95	36.95	36.95	36.95	36.95
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.01	0.05	0.02	0.02	0.02	0.02
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				60.32	60.3	60.3	60.3	60.3	60.3
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.01	0.06	0.02	0.02	0.02	0.02
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mức nước (H, m)				24.92	24.90	24.90	24.90	24.90	24.95
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				27.73	27.67	27.86	27.76	27.66	27.52
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				26.50	26.50	26.50	26.50	26.50	74.44

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 766.76 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.88 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 816.37 m

- Lưu lượng đến hồ: 0.48 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 972.45 m

- Lưu lượng đến hồ: 0.83 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m

- Lưu lượng đến hồ: m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m

- Lưu lượng đến hồ: m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 653.12 m

- Lưu lượng đến hồ: m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 68.40 m

- Lưu lượng đến hồ: 8.22 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 36.95 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.01 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 60.32 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.01 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 24.92 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa